

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04/2022/ HNGĐ - ST**

Ngày 20 tháng 01 năm 2022

"V/v: Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Duy Chính

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đức Chính – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 711/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1999.

Trú quán: Xóm CB, xã L, huyện L, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung A, sinh năm 1996.

HKTT: Tổ dân phố G, phường DB, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

(Hiện đang chấp hành án phạt tù tại đội 26, phân trại số 1, trại giam Phú Sơn 4, Bộ Công an)

(Các đương sự có mặt chị H, vắng mặt anh Anh có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Trung A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có

được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND phường DB, thành phố T năm 2019. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian đầu. Sau khi cưới được khoảng 02 tháng thì anh Trung A bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử vào tháng 5/2020 với mức án là 07 năm tù. Hiện tại anh A đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4, Bộ công an. Sau khi anh A bị bắt thì tôi đã chuyển về nhà ngoại tại xóm CB, xã L, huyện L, tỉnh Thái Nguyên để sinh sống từ đó cho đến nay.

Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể đoàn tụ được. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trung Anh.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Không có.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Trung A: Xác định kết hôn với chị Lê Thị T H vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã DB, thành phố T. Quá trình chung sống không xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không có con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết. Nay chị H xin ly hôn anh hoàn toàn đồng ý và đề nghị Tòa án nhân dân giải quyết sớm. Anh Nguyễn Trung A đã có đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án vì anh đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4, Bộ công an.

Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Trung A, tuy nhiên anh Trung A có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, do vậy không có mặt tại các phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ được. Do vậy phải mở phiên tòa xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xem xét cho chị H được ly hôn anh Trung A. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, và nợ chung: Không có. Về án phí chị H phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố G, phường DB, thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Trung A để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Tuy nhiên anh A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị H đề nghị xét xử vắng mặt anh A, đại diện VKS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Trung A kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, việc đăng ký kết hôn đã được thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường DB, thành phố Thái Nguyên là cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng ly hôn là do sau khi cưới được khoảng 02 tháng thì anh Trung A bị bắt về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử vào tháng 5/2020 với mức án là 07 năm tù. Hiện tại anh A đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4, Bộ công an và chị H đã bỏ về bên ngoại sinh sống; đã ly thân từ đó cho đến nay và không ai quan tâm đến ai.

Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn. Anh Trung A cũng nhất trí ly hôn và đề nghị Tòa án sớm giải quyết. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Trung A đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cần chấp nhận đơn khởi kiện về ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Trung A là phù hợp với thực tế và đúng quy định tại các Điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều xác định không có.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H Cho chị Lê Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Trung A

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và các khoản nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000640 ngày 27/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trung A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND thành phố Thái Nguyên;
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND phường DB;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ DUY CHINH

Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Nhung được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hậu được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ DUY CHINH

